

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7-8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 21

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

## CÔNG TY

Công ty cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004 và giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 vào ngày 07 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại: Khu Công Nghiệp I – Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai;

Chi nhánh tại Hà Nội: 87B, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố. Hà Nội;

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 126, Trung tâm thương mại Quận 10, Đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Hồ Chí Minh.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty là **105.193.177.633** đồng.

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm:

- Ông Đỗ Văn Nam	Chủ tịch
- Ông Bùi Xuân Thoa	Phó chủ tịch
- Ông Lê Quang Chính	Ủy viên thường trực
- Ông Phạm Quang Vũ	Ủy viên
- Ông Lê Hùng Dũng	Ủy viên
- Bà Thái Việt Nga	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đăng Quang	Ủy viên

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

- Ông Bùi Xuân Thoa	Giám đốc
- Ông Lê Quang Chính	Phó giám đốc
- Ông Phạm Quang Vũ	Phó giám đốc

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban giám đốc



Bùi Xuân Thoa  
Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 09-2-026/CPA HANOI/ HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 từ trang 5 đến trang 21.

### **Trách nhiệm của Ban giám đốc và Kiểm toán viên**

Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Nguyễn Ngọc Tinh  
Tổng giám đốc  
Số đăng ký: Đ.0132/KTV

  
Tô Quang Tùng  
Kiểm toán viên  
Số đăng ký: 0270/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 9 tháng 3 năm 2009

Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>336.748.504.194</b>	<b>336.192.139.288</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>24.145.450.840</i>	<i>37.806.855.588</i>
1. Tiền	111	3	24.145.450.840	37.806.855.588
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính</i>	<i>120</i>		<i>72.175.416.667</i>	<i>153.000.000.000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	72.175.416.667	153.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>		<i>89.344.220.211</i>	<i>49.246.405.205</i>
1. Phải thu của khách hàng	131		83.192.231.925	44.223.114.295
2. Trả trước cho người bán	132		4.757.748.224	2.866.341.786
3. Các khoản phải thu khác	135		1.564.512.905	2.327.221.967
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(170.272.843)	(170.272.843)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>142.375.048.440</i>	<i>93.034.574.209</i>
1. Hàng tồn kho	141	5	142.375.048.440	93.034.574.209
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>8.708.368.036</i>	<i>3.104.304.286</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		308.203.636	150.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	6	3.204.847.989	1.825.831.053
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.195.316.411	1.128.473.233
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>53.960.844.762</b>	<b>43.035.778.304</b>
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>53.960.844.762</i>	<i>43.035.778.304</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8a	35.532.055.828	24.951.553.098
- Nguyên giá	222		150.991.327.496	134.190.138.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.459.271.668)	(109.238.585.452)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8b	17.319.885.750	17.319.885.750
- Nguyên giá	228		17.319.885.750	17.319.885.750
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.108.903.184	764.339.456
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>390.709.348.956</b>	<b>379.227.917.592</b>

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.661.041.669</b>	<b>37.241.576.938</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>37.792.880.722</i>	<i>26.142.976.247</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	3.565.170.000	3.383.940.000
2. Phải trả cho người bán	312		9.841.132.402	5.444.777.571
3. Người mua trả tiền trước	313		69.684.533	55.215.316
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	18.443.400.263	13.918.975.066
5. Phải trả người lao động	315		5.059.522.683	1.422.183.058
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	813.970.841	1.917.885.236
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>10.868.160.947</i>	<i>11.098.600.691</i>
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	8.177.992.000	5.290.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	1.782.585.000	5.075.910.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		907.583.947	732.690.691
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>342.048.307.287</b>	<b>341.986.340.654</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>326.890.392.628</i>	<i>338.780.075.995</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	141.757.100.000	113.398.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	68.094.331.990	68.094.331.990
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	83.490.858.554	49.355.150.601
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	15.936.132.106	5.259.340.584
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420	15	17.611.969.978	102.672.652.820
<i>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>15.157.914.659</i>	<i>3.206.264.659</i>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	15	15.157.914.659	3.206.264.659
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>390.709.348.956</b>	<b>379.227.917.592</b>




Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Đỗ Xuân Thoa  
Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2009

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	863.396.355.552	619.648.695.796
2. Các khoản giảm trừ	03	16	358.816.540	278.948.682
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>16</b>	<b>863.037.539.012</b>	<b>619.369.747.114</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	17	690.835.853.623	480.467.532.907
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>172.201.685.389</b>	<b>138.902.214.207</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	24.336.876.948	13.038.585.546
7. Chi phí tài chính	22	20	4.453.910.018	1.293.327.714
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		339.742.579	1.270.437.714
8. Chi phí bán hàng	24		75.652.024.899	36.366.544.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.906.057.811	18.349.171.922
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>99.526.569.609</b>	<b>95.931.755.198</b>
11. Thu nhập khác	31	21	14.421.171.757	12.868.819.042
12. Chi phí khác	32	22	222.650.157	457.921.421
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>14.198.521.600</b>	<b>12.410.897.621</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>113.725.091.209</b>	<b>108.342.652.819</b>
15. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51	23	8.531.913.576	-
16. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>105.193.177.633</b>	<b>108.342.652.819</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>61</b>		<b>8.238</b>	<b>9.554</b>



Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Thoa  
Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2009

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
<b><i>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i></b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	1		854.381.387.058	649.237.161.677
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(741.212.950.213)	(499.968.468.543)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(42.192.255.799)	(30.785.558.006)
- Tiền chi trả lãi vay	4		(748.198.334)	(560.295.916)
- Tiền chi nộp thuế TNDN	5		(6.805.901.587)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		15.054.651.241	2.906.916.890
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(94.651.661.708)	(49.299.904.112)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(16.174.929.342)</b>	<b>71.529.851.990</b>
<b><i>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i></b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(13.502.337)	(147.359.796)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(428.694.000.000)	(73.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		509.594.000.000	16.500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.307.236.876	11.286.707.532
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>104.193.734.539</b>	<b>(45.360.652.264)</b>



# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004 và giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 vào ngày 07 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại : Khu Công Nghiệp I – Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai;

Chi nhánh tại Hà Nội : 87B, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh : Số 126, Trung tâm thương mại Quận 10, Đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

#### Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm cuối năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định bằng giá vốn của nguyên vật liệu. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 4 năm

Tài sản cố định vô hình là chi phí thuê mặt bằng để xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Long Thành. Do chưa tiến hành xây dựng nhà máy và hoạt động sản xuất nên chưa trích khấu hao.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được ước tính một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

#### Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm.

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Thuế

Thuế hiện hành : Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến cuối năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại : Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại thời điểm cuối năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

#### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 3. TIỀN

Đơn vị: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.379.357.011	3.441.513.299
Tiền gửi ngân hàng	21.766.093.829	34.365.342.289
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.145.450.840</b>	<b>37.806.855.588</b>

### 4. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn:		
- Ngân hàng Công thương	-	5.000.000.000
- Ngân hàng Á Châu (a)	67.100.000.000	148.000.000.000
- Ngân hàng Phương Nam (b)	5.075.416.667	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.175.416.667</b>	<b>153.000.000.000</b>

(a) Tiền gửi Ngân hàng Á Châu với thời hạn từ 1 tháng tới 3 tháng với mức lãi suất trong khoảng từ 0.75% đến 1.5%/ tháng.

(b) Tiền gửi Ngân hàng Phương Nam với thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,3%/ tháng, sau khi đáo hạn tiếp tục được gia hạn.

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

## 5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	101.680.587.039	86.278.075.077
Công cụ, dụng cụ	95.698.388	86.277.599
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.865.029.857	1.784.782.846
Thành phẩm	20.733.733.156	4.885.438.687
<b>Tổng cộng</b>	<b>142.375.048.440</b>	<b>93.034.574.209</b>

## 6. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.204.847.989	1.825.831.053
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.204.847.989</b>	<b>1.825.831.053</b>

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Nhân viên tạm ứng	388.918.464	855.473.233
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	4.806.397.947	273.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.195.316.411</b>	<b>1.128.473.233</b>

(\*) Chi tiết khoản ký quỹ, ký cược:

- Ký quỹ ký cược tại Ngân hàng Công thương Việt Nam:

+ Mở L/C mua máy Volpak với số tiền 32.541 Euro;

+ Ký quỹ mua cafe với số tiền 217.875 USD;

+ Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng cung cấp cafe hòa tan cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam với số tiền 200.000.000 đồng.

- Tiền đặt cọc thuê văn phòng: 115.560.000 đồng.

8a. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHI TIẾT</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc Thiết bị</i>	<i>Phương tiện Vận tải</i>	<i>Thiết bị, Dụng cụ Quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	15.843.054.977	112.845.626.854	3.837.571.933	1.663.884.786	134.190.138.550
Mua trong năm	-	16.607.720.856	-	267.307.077	16.875.027.933
Dầu tư XD/CB hoàn thành	79.933.733	49.647.700	-	-	129.581.433
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(114.026.689)	(114.026.689)
Giảm khác	(44.275.499)	(45.118.232)	-	-	(89.393.731)
Số dư cuối năm	15.878.713.211	129.457.877.178	3.837.571.933	1.817.165.174	150.991.327.496
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.127.328.862	95.626.632.216	2.218.133.651	1.266.490.723	109.238.585.452
Khấu hao trong năm	524.902.095	5.166.545.342	514.448.458	215.568.484	6.421.464.379
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(114.026.689)	(114.026.689)
Giảm khác	(44.275.499)	(42.475.975)	-	-	(86.751.474)
Số dư cuối năm	10.607.955.458	100.750.701.583	2.732.582.109	1.368.032.518	115.459.271.668
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5.715.726.115	17.218.994.638	1.619.438.282	397.394.063	24.951.553.098
Tại ngày cuối năm	5.270.757.753	28.707.175.595	1.104.989.824	449.132.656	35.532.055.828

## Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

#### 8.b. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Giá trị tài sản cố định thể hiện toàn bộ chi phí trả tiền thuê mặt bằng với diện tích 49.500 m<sup>2</sup> tại khu Công nghiệp Long Thành dùng để đầu tư nhà máy chế biến cafe và các sản phẩm uống nhanh. Thời gian thuê là 50 năm kể từ tháng 10 năm 2003 đến tháng 10 năm 2053.

#### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.108.903.184	764.339.456
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.108.903.184</b>	<b>764.339.456</b>

#### 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Khoản vay ngắn hạn được phân loại từ khoản vay dài hạn của Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (xem chi tiết tại thuyết minh số 14)

#### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.891.677.737	2.330.169.823
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.146.895.956	2.057.454.511
Thuế nhập khẩu	8.650.610.862	9.068.355.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.726.011.989	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.203.719	462.994.887
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.443.400.263</b>	<b>13.918.975.066</b>

#### 12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	47.381.955	118.312.383
Bảo hiểm xã hội	59.996.176	19.685.685
Phải trả cổ phần hóa	15.000.000	699.030.200
Các khoản phải trả phải nộp khác	691.592.710	1.080.856.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>813.970.841</b>	<b>1.917.885.236</b>

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: Đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền ký quỹ, ký cược dài hạn của các đại lý (*)	8.177.992.000	5.290.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.177.992.000</b>	<b>5.290.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tiền đặt cọc ký quỹ, ký cược của các đại lý cho việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty, khoản tiền này sẽ được tính lãi với lãi suất 0,85%/tháng trả cho đại lý và được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

### 14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008		1/1/2008	
	VND	USD	VND	USD
<b>I. Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng đầu tư Bắc Âu	5.347.755.000	315.000	8.459.850.000	525.000
<b>II. Trừ Nợ dài hạn đến hạn trả</b>				
Ngân hàng đầu tư Bắc Âu	(3.565.170.000)	(210.000)	(3.383.940.000)	(210.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.782.585.000</b>	<b>105.000</b>	<b>5.075.910.000</b>	<b>315.000</b>

Khoản vay dài hạn này là khoản vay theo Hiệp định ký kết giữa Bộ Tài Chính với Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với thời hạn 13 năm kể từ ngày 19 tháng 2 năm 1998, lãi suất vay bằng LIBOR + 0,75%/năm. Phí quản lý trả cho Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam là 0,25%/năm trên số dư nợ vay.

**Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ**

15.1. *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu, phân phối lợi nhuận và các quỹ*

<i>Khoản mục</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>94.500.000.000</b>	<b>68.094.331.990</b>	<b>29.667.431.060</b>	<b>2.259.995.894</b>	<b>2.428.122.924</b>	<b>55.329.381.796</b>	<b>252.279.263.664</b>
Tăng vốn năm trước	18.898.600.000	-	-	-	-	-	18.898.600.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	108.342.652.819	108.342.652.819
Trích lập các quỹ	-	-	19.687.719.541	2.999.344.690	5.880.160.367	(28.567.224.598)	-
Tăng khác	-	-	-	-	89.669.456	1.399.999	91.069.455
Chi các quỹ	-	-	-	-	(5.191.688.088)	-	(5.191.688.088)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(708.596.198)	(708.596.198)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(31.724.960.998)	(31.724.960.998)
<b>Cuối năm trước</b>	<b>113.398.600.000</b>	<b>68.094.331.990</b>	<b>49.355.150.601</b>	<b>5.259.340.584</b>	<b>3.206.264.659</b>	<b>102.672.652.820</b>	<b>341.986.340.654</b>
Tăng vốn năm nay	28.358.500.000	-	-	-	-	-	28.358.500.000
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	105.193.177.633	105.193.177.633
Trích lập các quỹ	-	-	73.827.695.953	10.676.791.522	16.211.000.000	(100.715.487.475)	-
Chi các quỹ	-	-	-	-	(5.259.350.000)	-	(5.259.350.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(1.493.000.000)	(1.493.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(126.737.361.000)	(126.737.361.000)
Thương cho BDH	-	-	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Giảm khác	-	-	(39.691.988.000)	-	-	39.691.988.000	-
<b>Cuối năm nay</b>	<b>141.757.100.000</b>	<b>68.094.331.990</b>	<b>83.490.858.554</b>	<b>15.936.132.106</b>	<b>15.157.914.659</b>	<b>17.611.969.978</b>	<b>342.048.307.287</b>

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 15.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu, phân phối lợi nhuận và các quỹ

Thuyết minh chi tiết việc phân phối lợi nhuận trong năm:

Nội dung	Số tiền (VND)
<b>1/ Phân phối lợi nhuận còn lại năm 2007</b>	<b>102.672.652.820</b>
- Trích vào Quỹ đầu tư và Phát triển phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(30.335.942.790)
- Trích quỹ Đầu tư và Phát triển	(20.171.189.390)
- Trích quỹ Dự phòng tài chính	(5.417.132.640)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.381.000.000)
- Thù lao Hội đồng quản trị	(1.437.000.000)
- Khen thưởng Ban điều hành	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	(9.071.888.000)
- Chia cổ tức tăng vốn	(28.358.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>(102.672.652.820)</b>
<b>2/ Phân chia cổ tức khác</b>	
- Lợi nhuận tăng khác từ việc giảm Quỹ Đầu tư và Phát triển	39.691.988.000
- Chia cổ tức từ phần giảm Quỹ Đầu tư và Phát triển	(39.691.988.000)
<b>3/ Phân phối lợi nhuận từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2008</b>	<b>105.193.177.633</b>
- Trích vào Quỹ đầu tư và Phát triển phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(23.320.563.773)
- Trích quỹ Dự phòng tài chính	(5.259.658.882)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.830.000.000)
- Thù lao Hội đồng quản trị	(56.000.000)
- Khen thưởng Ban điều hành	(500.000.000)
- Còn phải trả cổ tức bằng tiền mặt	(74.820.000)
- Đã chia cổ tức bằng tiền mặt	(49.540.165.000)
<b>Cộng</b>	<b>(87.581.207.655)</b>
<b>Lợi nhuận còn lại</b>	<b>17.611.969.978</b>

**Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đầu tư của Nhà nước	71.250.000.000	57.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	70.507.100.000	56.398.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.757.100.000</b>	<b>113.398.600.000</b>

**15.3. Cổ phiếu**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.175.710	11.133.986
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.175.710	11.133.986
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>14.175.710</i>	<i>11.133.986</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Doanh thu	863.396.355.552	619.648.695.796
Các khoản giảm trừ doanh thu	(358.816.540)	(278.948.682)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>863.037.539.012</b>	<b>619.369.747.114</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	690.835.853.623	480.467.532.907
<b>Tổng cộng</b>	<b>690.835.853.623</b>	<b>480.467.532.907</b>

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	643.191.452.891	444.845.939.770
Chi phí nhân công trực tiếp	40.761.204.651	30.848.854.713
Chi phí khấu hao	6.421.464.379	5.395.352.287
Chi phí khác	93.147.039.341	49.030.983.881
<b>Tổng cộng</b>	<b>783.521.161.262</b>	<b>530.121.130.651</b>

**Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.101.352.047	13.038.585.546
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	235.524.901	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.336.876.948</b>	<b>13.038.585.546</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lãi vay ngân hàng	339.742.579	1.270.437.714
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.185.393.032	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	180.576.073	-
Chi phí tài chính khác	748.198.334	22.890.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.453.910.018</b>	<b>1.293.327.714</b>

**21. THU NHẬP KHÁC***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế nhập khẩu được hoàn, được miễn	14.050.252.500	11.691.783.513
Thu nhập khác	370.919.257	1.177.035.529
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.421.171.757</b>	<b>12.868.819.042</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí khác	222.650.157	457.921.421
<b>Tổng cộng</b>	<b>222.650.157</b>	<b>457.921.421</b>

## Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

#### 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế (a)	113.725.091.209
Các khoản điều chỉnh tăng (b)	269.281.377
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	88.705.304
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	180.576.073
Các khoản điều chỉnh giảm (c)	235.524.901
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm	235.524.901
Thu nhập chịu thuế (d) = (a) + (b) - (c)	113.758.847.685
Thu nhập chịu thuế được miễn (e) = (d) x 50 %	56.879.423.843
Thuế suất ưu đãi (f)	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm (g) = [(d) - (e)] x (f)	8.531.913.576

#### 24. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### a. Các bên liên quan:

- Tổng Công ty Vinacafe, là Công ty mẹ với tỷ lệ vốn góp là 50,26%;
- Công ty Cổ phần Cơ khí VINA Nha Trang là thành viên trong Tổng Công ty Vinacafe;
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyên là thành viên trong Tổng Công ty Vinacafe;
- Cổ đông khác với tỷ lệ vốn góp là 49,74%

##### b. Giao dịch với các bên liên quan trong năm:

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền (VND)
Tổng Công ty Vinacafe	Cổ tức đã trả	63.697.500.000
	Thu nợ tiền cho vay	2.500.000.000
Công ty CP Cơ khí VINA Nha Trang	Mua hàng	7.864.500
Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyên	Mua hàng	4.163.482.103
Cổ đông khác	Cổ tức đã trả	62.965.041.000

# Công ty Cổ phần VINACAFÉ Biên Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 24. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Đối tượng</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thành viên Hội đồng quản trị	1.404.000.000	708.596.197
Ban giám đốc	1.139.820.651	1.106.077.384
Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.603.820.651</b>	<b>1.874.673.641</b>

c. Tại ngày kết thúc năm tài chính số dư của các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Tổng Công ty Vinacafe	Phải thu khác	64.449.951
Cổ đông khác	Phải trả cổ tức	74.820.000

### 25. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang theo các thời hạn:		
Đến 1 năm	502.000.000	480.864.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.510.000.000	2.404.320.000



Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

2 tháng 3 năm 2009



Bùi Xuân Thoa  
Giám đốc